

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2018/HS-ST

Ngày 20/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Lợi và bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Thái Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

TRẦN LÊ QUỐC T (Tên gọi khác: M), sinh năm 1995 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Không; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Đang học nghề may mui nệm; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T và bà Lê Ngọc H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: ngày 25/9/2014 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “**Trộm cắp tài sản**”, chấp hành án tại Trại giam XP, ngày 27/4/2018 chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống, tiền sự: Không; nhân thân xấu; bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 24/7/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Hồ Văn S, sinh năm 1960; nơi cư trú: 166 PĐG, tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ chung: Ông Lê Văn N, sinh năm 1968; nơi cư trú: 401/5 PVD, tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/ Anh Hồ Hoàng S, sinh năm 1990; nơi cư trú: 166 PĐG, tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2/ Bà Hoàng Thị Tu, sinh năm 1967; nơi cư trú: 166 PĐG, tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 24/7/2018, Trần Lê Quốc T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Atila, màu đen, biển số 81K6 – 4176 đi ngang qua nhà ông Hồ Văn S ở tại 166 PĐG, tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy cổng không khóa, cửa ra vào mở, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định vào nhà ông S để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T dựng xe ở ngoài cổng nhà ông S rồi đi vào trong phòng khách nhưng không thấy tài sản gì nên T tiếp tục đi vào trong phòng ngủ thì thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philip của ông S để trên tủ đầu giường, T cầm chiếc điện thoại trên bỏ vào trong túi áo khoác rồi đi ra ngoài. Cùng lúc này, bà Hoàng Thị Tu (là vợ ông S) đi từ nhà bếp lên, thấy Tu từ phòng ngủ đi ra, thì bà Tu hỏi: “Đứa nào đó”, thì T nói: “Đi tìm nhà người quen”. Bà Tu hỏi: “Tìm người quen sao lại từ trong buồng ra” thì T không nói gì và đi ra chỗ để xe mô tô. Lúc này, ông Hồ Văn S đi từ bếp đi lên, thấy T đang leo lên xe ở ngoài cổng chuẩn bị bỏ chạy nên ông S cùng con trai là anh Hồ Hoàng S chạy ra bắt giữ T lại và gọi điện báo Công an phường HT. Công an phường HT đã đến nhà ông S tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Lê Quốc T và thu giữ tang vật gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Philip màu đỏ mà T đã chiếm đoạt cùng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Atila màu đen, biển số 81K6 – 4176. Sau đó, Công an phường HT đã chuyển Trần Lê Quốc T, hồ sơ ban đầu cùng tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Qua định giá, tại bản kết luận số 134/KL - HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: “01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip S309 màu đỏ, mua năm 2016 với giá 2.000.000 đồng, sử dụng đến ngày 24/7/2018 bị chiếm đoạt, hiện đã thu hồi được, có trị giá là 300.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 173/CT – VKS ngày 01 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Trần Lê Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Trần Lê Quốc T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong Bản cáo trạng. Bị cáo T và người bị hại ông Hồ Văn S cũng không có ý kiến khiếu nại gì đối với Kết luận “*Về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự*” của Hội

đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Trần Lê Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của bị cáo: Ngày 27/4/2018 bị cáo Trần Lê Quốc T chấp hành xong hình phạt 05 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 153/2014/HSST ngày 25/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khoảng 19 giờ ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại số 166 PĐG, tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của ông Hồ Văn S trong việc quản lý tài sản, bị cáo Trần Lê Quốc T đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philip S309 màu đỏ có giá trị qua định giá là 300.000 đồng. Như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 bị cáo T sau khi chấp hành xong hình phạt chính chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới.

Tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt*

....b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác phải bị xử lý theo quy định của pháp luật. Bị cáo là người trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người

khác là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính lười lao động, muốn hưởng lợi bất chính nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức cảnh tỉnh, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Tuy nhiên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Ông Lê Văn N là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô biển số 81K6 – 4176 mà bị cáo Trần Lê Quốc T đã sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khi ông N cho bị cáo mượn xe, ông không biết bị cáo sẽ sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội. Do đó không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự của ông Lê Văn N với vai trò đồng phạm trong vụ án này.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Lê Quốc T

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Hồ Văn S đã nhận lại chiếc điện thoại di động Philip S309 và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

* **Về xử lý vật chứng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý vật chứng, trả lại cho ông Hồ Văn S: Chiếc điện thoại di động hiệu Philip309 màu đỏ; trả lại cho ông Lê Văn N chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM , loại xe Attila, màu đen, biển số 81K6 – 4176 là phù hợp quy định của pháp luật.

* **Về án phí:**

Buộc bị cáo Trần Lê Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Lê Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Lê Quốc T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính ngày bị bắt tạm giữ ngày 27/4/2018.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Lê Quốc T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo Trần Lê Quốc T có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy